

V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẢO YÊN, TỈNH LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Đình Tiến

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đoàn Thế Xương

2. Ông Phạm Huy Thông

- **Thư ký phiên toà:** Ông Phan Quốc Vương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 90/2020/TLST - HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 16 /2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị Q, sinh năm 1989; nơi cư trú: Bản B , xã T , huyện Y, tỉnh Lào Cai - có mặt.

2. Bị đơn: Anh Dương Văn C, sinh năm 1985, nơi cư trú: Bản B, xã T, huyện Y, tỉnh Lào Cai; - vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 12/6/2020, và các lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Đỗ Thị Q trình bày: Chị và anh Dương Văn C kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Y, tỉnh Lào Cai năm 2008. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hạnh phúc được khoảng 7 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh C thường xuyên đi uống rượu cùng bạn bè, khi say rượu là đánh chửi chị vô cớ. Sự việc xảy ra gia đình họp phân tích khi đó anh C hứa sẽ thay đổi, nhưng chỉ được một thời gian ngắn anh C lại uống rượu và đánh chửi chị, có lần chị phải nhập viện điều trị 10 ngày. Từ giữa tháng 4 năm 2018 vợ chồng sống ly thân từ đó không ai quan tâm đến nhau nữa. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không

còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được, chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn để sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Dương Thanh Q2 sinh ngày 29/5/2009 và Dương Xuân H sinh ngày 04/01/2017 hiện các cháu phát triển, khỏe mạnh bình thường. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q2, anh C có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Dương Văn C: Trong quá trình giải quyết vụ án anh C không tuân thủ quy định của pháp luật, không làm bản tự khai, không tham gia tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, không tham gia phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền: Anh Dương Văn C và chị Đỗ Thị Q tự nguyện kết hôn năm 2008, bị đơn cư trú tại Bản B, xã T, huyện Y, tỉnh Lào Cai. Quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn nên chị Q khởi kiện ly hôn và đề nghị giải quyết trách nhiệm nuôi con vì vậy quan hệ pháp luật được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết Tòa án không tiến hành hòa giải được vì bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do. Không tiến hành được việc kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ đối với bị đơn, bị đơn cũng không có lời khai vì vắng mặt. Tại phiên tòa bị đơn vắng mặt đến lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[3] Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân giữa chị Đỗ Thị Q và anh Dương Văn C chung sống có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện Y, tỉnh Lào Cai theo quy định pháp luật nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận. Trong cuộc sống anh C thường xuyên đánh chửi chị Q, vợ chồng không tôn trọng nhau đây là hành vi bạo lực gia đình, thực tế vợ chồng đã sống ly thân một thời gian dài từ đó không ai quan tâm đến nhau nữa. Hai bên gia đình khuyên bảo, vợ chồng cũng tìm cách khắc phục nhưng không thành. Chính quyền địa phương và người thân trong gia đình cũng xác nhận về tình trạng mâu thuẫn vợ chồng phù hợp với lời khai của nguyên đơn. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục

đích hôn nhân không đạt được, cần cho chị Đỗ Thị Q ly hôn anh Dương Văn C là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về con chung: Quá trình chung sống anh C và chị Q có 02 con chung, chị Q đề nghị sau ly hôn chị được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Q2, anh C nuôi dưỡng cháu H không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy anh C và chị Q đều có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung, anh C và chị Q đều là lao động tự do có mức thu nhập tương đương từ 3.000.000đ đến 6.000.000đ/tháng. Biên bản lấy ý kiến của cháu Q2 ngày 18/6/2020, cháu Q2 có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn, vì vậy đề nghị của chị Q phù hợp cần được chấp nhận.

[5] Về án phí: Chị Đỗ Thị Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 56; khoản 1,2 Điều 81; khoản 1,3 Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng Dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Đỗ Thị Q được ly hôn anh Dương Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Dương Thanh Q2 sinh ngày 29/5/2009 cho chị Đỗ Thị Q trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Dương Xuân H sinh ngày 04/01/2017 cho anh Dương Văn C trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Chị Đỗ Thị Q và anh Dương Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn anh C và chị Q có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Đỗ Thị Q phải chịu 300.000đ đồng tiền án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số: 0001816 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Lào Cai.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự .

Án xử sơ thẩm công khai nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai (1);
- VKSND huyện Y (2);
- UBND xã T, huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu hồ sơ; tập án; VT

.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Đình Tiến